

Số: /QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp & PTNT**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 6/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: 140/TTr-SNN&PTNT ngày 19/8/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính mới ban hành các lĩnh vực: Nông nghiệp 01 TTHC, Thủy sản 02 TTHC; danh mục 04 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp & PTNT; danh mục 04 thủ tục hành

chính mới ban hành các lĩnh vực: Nông nghiệp 01 TTHC, Phòng chống thiên tai 03 TTHC thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp & PTNT (*Có Phụ lục kèm theo*).

Sở Nông nghiệp & PTNT có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết 11 TTHC trên, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm a, khoản 3, điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 12, 13, 14 lĩnh vực Phát triển nông thôn; số thứ tự 15, 16, 17, 18 lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- TT Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin - GTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KS1, KS4 (P- 18b).

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Trì**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP & PTNT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày /8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

**A - Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>						
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	48 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: UBND huyện: 12 ngày; Phòng Nông nghiệp & PTNT: 36 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về khuyến nông	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1 mục B Phần I Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>						
2	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 48 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1 mục C Phần I Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ

	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Nông nghiệp & PTNT
3	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<p>a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;</p> <p>b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;</li> <li>- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 48 ngày.</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2 mục C Phần I Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

**B - Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản &amp; Thủy sản</b>						
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện gửi qua fax, e-mail	Lệ phí: 30.000 đồng/lần /người.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010.</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</li> <li>- Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong quản lý nhà nước về An toàn</li> </ul>	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 4 mục B phần I Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	<p>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp cơ sở đã được thẩm định thực tế điều kiện đảm bảo ATTP và xếp loại A hoặc B).</p> <p>- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại).</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện gửi qua fax, e-mail	Phí thẩm định: 700.000 đồng/cơ sở	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010.</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;</p> <p>- Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc</p>	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1 mục B phần I Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Trường hợp cơ sở đã được thẩm định thực tế điều kiện đảm bảo ATTP, xếp loại A hoặc B). - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện gửi qua fax, e-mail	Phí thẩm định: 700.000 đồng/cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2 mục B phần I Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn	05 ngày làm việc kể từ ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả	Trực tiếp hoặc gửi	Phí thẩm	- Luật An toàn thực phẩm số	Những nội dung còn lại của TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)</p>	<p>nhận được đơn đề nghị.</p>	<p>kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>qua đường bưu điện gửi qua fax, e-mail</p>	<p>định: 700.000 đồng/cơ sở</p>	<p>55/2010/QH12 ngày 17/6/2010.  - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;  - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.  - Quyết định 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc</p>	<p>được thực hiện tại số thứ tự 3 mục B phần I Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019</p>



## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>						
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	48 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	Điều 25, Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về khuyến nông	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1 mục C Phần I Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Phòng chống thiên tai</b>						
2	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1 Phần I Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT

3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2 Phần I Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT
4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 3 Phần I Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT